

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST

Ngày: 05 - 10 - 2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vòng

2. Ông Trần Xuân Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V; địa chỉ: phường H, quận Đ, thành phố N; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, V hội sở; đã uỷ quyền lại cho: Ông Trần Đình L, địa chỉ: Số A, đường Phan Châu Tr, quận Ch, thành phố N - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Y; địa chỉ: Đường H, tổ dân phố B, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tuấn A - Giám đốc; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố A, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Đường L, tổ dân phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình - Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Anh Đ; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng cho vay số: 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 (kèm theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/5/2017 và khế ước nhận nợ số: 050517-3616396-01-SME ngày 05/5/2017, khế ước nhận nợ số: 100517-3616396-01-SME ngày 10/5/2017), Công ty Y vay vốn tại Ngân hàng V (viết tắt là Ngân hàng V) số tiền: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua vật liệu sơn các loại chi tiết theo bảng kê. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ: Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,35%/năm theo phương pháp tính lãi tại hợp đồng với 01 năm là 360 ngày, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở 01 năm 365 ngày là 22,66%/năm. Lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong ba tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau 3 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Theo lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh công (+) biên độ 14%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm áp dụng. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH Y các khế ước nhận nợ số 050517-3616396-01-SME ngày 05/5/2017 Ngân hàng giải ngân 266.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 100517-3616396-01-SME ngày 10/5/2017 Ngân hàng giải ngân 34.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay có các hợp đồng bảo lãnh như sau:

Theo hợp đồng bảo lãnh số: 010517 – 3616396 – 01 – SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017: Ông Đoàn Tuấn A đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Y trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty Y với bên Ngân hàng V phát sinh từ hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 và các khế ước nhận nợ khác ký giữa Công ty Y và Ngân hàng V.

Theo hợp đồng bảo lãnh số: 010517 – 3616396 – 02 – SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017: Ông Phạm Anh Đ đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Y trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty Y với bên Ngân hàng V phát sinh từ hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 và các khế ước nhận nợ khác ký giữa Công ty Y và Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V theo quy định tại các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết, toàn bộ

khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/7/2017 với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận. Tính đến ngày 05/10/2018, Công ty Y còn nợ Ngân hàng V bao gồm số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả cụ thể số tiền như sau: Nợ gốc: 289.440.344 đồng; nợ lãi: 109.640.969 đồng; phạt chậm trả: 7.632.114 đồng; Tổng cộng: 406.713.427 đồng. Do đó, Ngân hàng V yêu cầu Công ty Y phải trả toàn bộ số tiền trên. Trong trường hợp Công ty Y không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì đề nghị buộc ông Đoàn Tuấn A và ông Phạm Anh Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Y theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Đoàn Tuấn A, ông Phạm Anh Đ để thu hồi khoản nợ vay.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Y ông Đoàn Tuấn A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Anh Đ không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Y phải trả cho Ngân hàng V số tiền: Nợ gốc: 289.440.344 đồng; nợ lãi: 109.640.969 đồng; phạt chậm trả: 7.632.114 đồng; Tổng cộng: 406.713.427 đồng. Trong trường hợp Công ty Y không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thì đề nghị buộc ông Đoàn Tuấn A và ông Phạm Anh Đ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Y theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Đoàn Tuấn A, ông Phạm Anh Đ để thu hồi khoản nợ vay.

Đại diện bị đơn Công ty Y, ông Đoàn Tuấn A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Anh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đầy đủ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn Công ty Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Họ đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 335, 338, 342, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, để xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty Y phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng V theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể: Nợ gốc: 289.440.344 đồng; nợ lãi: 109.640.969 đồng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng V về việc phạt chậm trả lãi: 7.632.114 đồng, mặc dù có thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng không đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận, đề nghị HĐXX bác yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Công ty Y có địa chỉ trụ sở tại: Đường H, tổ dân phố B, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty Y trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 (kèm theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 05/5/2017); Ngân hàng V và Công ty Y là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên đối với bị đơn Công ty Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản giao nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn Công ty Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Do vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp công khai về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với sự có mặt của nguyên đơn đồng thời ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử

số 57/2018/QĐST-KDTM và tiến hành niêm yết tại địa bàn nơi bị đơn Công ty Y có trụ sở, nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú. Ngày 12/9/2018, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn Công ty Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-KDTM ngày 12/9/2018 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 05/10/2018 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố và trụ sở UBND phường nơi bị đơn Công ty Y có trụ sở, nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú. Tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn đại diện Công ty Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng V ký hợp đồng tín dụng với Công ty Y theo hợp đồng cho vay số: 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 (kèm theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 05/5/2017 và khế ước nhận nợ số: 050517-3616396-01-SME ngày 05/5/2017, khế ước nhận nợ số: 100517-3616396-01-SME ngày 10/5/2017) đúng với chức năng hoạt động của Ngân hàng thương mại quy định tại Điều 98 Luật tổ chức tín dụng và quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không khiếu nại nội dung hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng V yêu cầu Công ty Y trả khoản tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết: Ngân hàng đã thực hiện hợp đồng, giải ngân cho Công ty Y vay số tiền gốc 300.000.000 đồng. Trong quá trình vay Công ty Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 05/10/2018 Công ty Y còn nợ Ngân hàng V số tiền 399.081.313 đồng, bao số tiền gốc, lãi phải trả. Do đó, Ngân hàng VPBank yêu cầu công ty Y phải trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu buộc Công ty Y phải trả khoản phạt chậm trả lãi với số tiền 7.623.114 đồng là trái với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không chấp nhận.

[2.3] Đối với các hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng bảo lãnh số: 010517 – 3616396 - 01 - SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: 010517 - 3616396 - 02 - SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017: Ông Đoàn Anh T, ông Phạm Anh Đ đều đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Y trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty Y với bên Ngân hàng V phát sinh từ hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 040517 - 3616396 - 01 - SME ngày 05/5/2017 và các khế ước nhận nợ khác ký giữa Công ty Y và Ngân hàng V đã được

Công chứng chứng thực theo đúng quy định, nội dung hợp đồng bảo lãnh ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 335, 338 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Do bên được bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 342 BLDS năm 2015 nên bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đó: Ông Đoàn Tuấn A và ông Phạm Anh Đ phải dùng tài sản riêng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng V theo quy định của pháp luật.

Buộc Công ty Y phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn tại theo hợp đồng cho vay số: 040517 – 3616396 – 01 - SME ngày 05/5/2017, kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà N; đối với yêu cầu của Ngân hàng V không được chấp nhận thì phải chịu án phí theo quy định.

Ngân hàng V đã nộp số tiền tạm ứng án phí 8.677.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000471 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, sau khi khấu trừ khoản án phí phải chịu số tiền còn lại trả cho Ngân hàng V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 335, 338, 342, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty Y: Buộc Công ty Y phải trả nợ cho Ngân hàng V tính đến ngày 05/10/2018 với số tiền gốc: 289.440.344 đồng; nợ lãi: 109.640.969 đồng. Tổng số tiền phải trả là: 399.081.313 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V về việc buộc Công ty Y phải trả thêm khoản tiền phạt do chậm trả lãi: 7.632.114 đồng.

Từ ngày 06/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng Công ty Y còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ

quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 040517 – 3616396 – 01 – SME ngày 05/5/2017 (kèm theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/5/2017) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp Công ty Y không trả hết số nợ gốc và khoản tiền lãi trên cho Ngân hàng thì bên bảo lãnh là ông Đoàn Tuấn A và ông Phạm Anh Đ phải dùng tài sản riêng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Y với Ngân hàng V theo các hợp đồng bảo lãnh số: 010517 – 3616396 – 01 – SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: 010517 – 3616396 – 02 – SME/HĐBL ký ngày 05/5/2017.

4. Án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty Y phải chịu nộp: 19.954.065 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng V phải chịu nộp: 3.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí còn lại sau khi đã trừ nghĩa vụ phải thi hành án số tiền là: 5.677.000 đồng (Đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000471 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Võ Bá Lưu